

Những vấn đề và giải pháp giáo dục người khuyết tật Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0

Nguyễn Đức Minh

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Email: minhnd@vnies.edu.vn

TÓM TẮT: Cách mạng công nghiệp 4.0 tạo ra sự đột phá trong phát triển ở mọi lĩnh vực của xã hội, trong đó có giáo dục. Tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 đối với giáo dục thể hiện ở cả hai mặt tích cực và tiêu cực. Giáo dục người khuyết tật, do những đặc trưng của mình, có những khía cạnh riêng về phát triển trong Cách mạng công nghiệp 4.0. Bài viết tập trung vào các yếu tố tác động cơ bản và đề xuất giải pháp phát triển của giáo dục người khuyết tật trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0.

TỪ KHÓA: Cách mạng công nghiệp 4.0, tác động, giáo dục người khuyết tật, giải pháp giáo dục người khuyết tật.

→ Nhận bài 07/10/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 20/10/2021 → Duyệt đăng 05/11/2021.

1. Đặt vấn đề

Cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0 tác động mạnh đối với mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, không tính tới không gian và thời gian. CMCN 4.0 tập trung vào công nghệ kỹ thuật số đã tạo ra bước phát triển đột phá của tất cả các lĩnh vực khoa học công nghệ. Giáo dục (GD) là lĩnh vực xây dựng nền móng cho sự phát triển của các lĩnh vực còn lại trong xã hội, trong đó có công nghệ kỹ thuật số cần được thay đổi theo hướng: “Không chỉ chuẩn bị một thế hệ có kỹ năng và sẵn sàng sử dụng trong ngành công nghiệp mà còn sản sinh ra một thế hệ sáng tạo, đổi mới, kiên cường và độc lập” [1, tr.331]. Mục tiêu này của GD dành cho tất cả mọi người, không tính đến các điều kiện sống hay những đặc điểm phát triển của cá nhân. Người khuyết tật với những đặc điểm phát triển riêng cần được tạo điều kiện để tham gia GD với sự hỗ trợ phù hợp thì mới có thể đạt được mục tiêu chung. Trong quá trình GD, người khuyết tật cần được hưởng thụ những thành tựu của CMCN 4.0, nhưng đồng thời cũng cần tự thích ứng để có thể tham gia các hoạt động học tập, sinh sống hàng ngày trong xã hội. Nói cách khác, GD cần tận dụng những thành quả của khoa học công nghệ và tạo điều kiện để người khuyết tật phát huy tối đa năng lực cá nhân nhằm phát huy mặt mạnh, khắc phục hạn chế hướng tới sống tự lập, hòa nhập xã hội.

CMCN 4.0 đã làm cho thế giới thay đổi nhanh chóng trong thời gian ngắn. Mục tiêu GD trong CMCN 4.0 nhằm chuẩn bị những “người học có các kỹ năng và năng lực phù hợp nhất có khả năng tự nâng cao và tự điều chỉnh để tiến bộ” [2] hoặc những người “hội nhập, canh tân, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm” [3, tr.14]. Những thay đổi của xã hội đòi hỏi GD phải kịp thời thích ứng trong chuẩn bị nguồn nhân lực. Tuy nhiên, GD nói chung và GD người khuyết tật Việt Nam nói

riêng hiện nay chưa đáp ứng được những yêu cầu này vì: “Nhận thức của các ngành, các cấp và xã hội đối với thách thức của CMCN 4.0 đối với GD Việt Nam còn chưa đầy đủ, sâu sắc và chưa theo kịp với xu hướng của thế giới” [4, tr.29]. Các phương tiện hiện đại của CMCN 4.0 đã giúp cải thiện rất nhiều quá trình học tập của mọi người. Tuy nhiên: “Bất chấp những cơ hội đầy hứa hẹn và rõ ràng của công nghệ dành cho người khuyết tật, rào cản đối với việc áp dụng và sử dụng nó vẫn còn rất rõ ràng đối với xã hội” và “Những người khuyết tật rất cần sự hỗ trợ của công nghệ sống với mức thu nhập rất thấp so với những người khác và do đó người khuyết tật nghèo sẽ bị hạn chế về tài chính để có và sử dụng các thiết bị công nghệ hỗ trợ cần thiết.” [5, tr.116]. Nghĩa là, khó khăn của người khuyết tật trong GD sẽ bị nhân lên. Để khắc phục những hạn chế và phát triển GD người khuyết tật trong bối cảnh CMCN 4.0 cần có những giải pháp mang tính tổng thể.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cách mạng công nghiệp 4.0 và giáo dục người khuyết tật

2.1.1. Tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 đến giáo dục

CMCN 4.0 đòi hỏi GD phải chuyển sang giai đoạn mới là GD 4.0 [3]. GD 4.0 “được định nghĩa là cuộc cách mạng về môi trường học tập đổi mới bằng cách sử dụng một hệ thống quản lý học tiên tiến có thể đáp ứng cuộc cách mạng mới của ngành” [2, tr.2]. Tác động của CMCN 4.0 đến GD thể hiện trên mọi khía cạnh, từ xây dựng chiến lược, chính sách, phát triển chương trình GD, quản lý GD, đánh giá GD đến công bằng GD...

Trong CMCN 4.0, nguồn thông tin được tăng lên rất nhanh theo cấp số mũ, trong khi đó, chiến lược, chương trình GD được xây dựng đến nay thường được thay đổi, điều chỉnh cập nhật với chu kỳ khoảng 5 hay 10 năm. Nói cách khác, chiến lược và chương trình GD được

xây dựng theo truyền thống có thể đã bị lạc hậu ngay từ khi chưa triển khai vì được dựa trên những nguồn thông tin cũ, lạc hậu. Vì vậy, trong giai đoạn sắp tới, các chương trình GD được xây dựng chắc chắn sẽ cần điều chỉnh theo hướng mở để có thể kịp thời cập nhật thường xuyên.

Tin học phát triển, các phần mềm phong phú, đa dạng phục vụ GD được phát triển... cùng với mạng internet có khắp nơi đã làm thay đổi hoàn toàn vấn đề quản lý trong GD. Việc giao nhiệm vụ, gặp mặt trao đổi hoặc giám sát, theo dõi đánh giá... trong quản lý GD ở cả cấp hệ thống cho tới cấp trường hay nhóm người đã được thay đổi về cơ bản, hiệu quả hơn nhiều lần nhưng lại giảm rất nhiều sức lực của con người.

Nhờ CMCN 4.0, trường học thông minh đã được phát triển tại nhiều quốc gia. Các lớp học ảo, thầy dạy ảo cũng đã phát triển, giúp cho người học ở mọi lúc, mọi nơi có thể chọn học những nội dung, vấn đề mình quan tâm với những lớp học, người dạy phù hợp. Lớp học ảo không còn bị bó buộc nhiều bởi vị trí địa lý, cơ sở vật chất và cả số lượng người học... Trong các trường học, với sự hỗ trợ của phương tiện tin học hiện đại, việc tổ chức thực hiện chương trình GD cũng được thay đổi để có thể đạt hiệu quả cao hơn. Bên cạnh những học liệu theo quy định trong chương trình, giáo viên và học sinh đều dễ tìm kiếm thông tin để kịp thời cập nhật trong quá trình GD. Các phương pháp dạy học, cách thức giao tiếp giữa giáo viên và học sinh cũng sẽ thay đổi theo hướng đa dạng và thực tế hơn. Vấn đề cá biệt hóa trong dạy học trên lớp sẽ dễ thực hiện hơn (giáo viên có thể vừa làm việc với cả lớp và vừa làm việc với cá nhân người học theo nhu cầu nhưng không ảnh hưởng tới lớp). Kết quả GD, học tập của người học được đánh giá cũng sẽ dễ dàng và khách quan hơn nhờ các phần mềm chuyên dụng.

Bên cạnh những thế mạnh như trên, CMCN 4.0 cũng có những hạn chế đòi hỏi GD phải có giải pháp khắc phục. Thực hiện GD trong CMCN 4.0 thì một số vấn đề chính cần quan tâm gồm:

- CMCN 4.0 đòi hỏi người dạy và người học phải đáp ứng những yêu cầu nhất định về ngôn ngữ, kiến thức, kỹ năng số hóa, kỹ năng kết nối, giao tiếp, tạo lập quan hệ trên mạng... Những kiến thức này lại cần được học và cập nhật thường xuyên. Đến nay, nhiều giáo viên, cán bộ quản lý GD và nhất là người học chưa thể đáp ứng yêu cầu này.

- CMCN 4.0 đòi hỏi người dạy và người học cần bỏ ra chi phí để mua sắm những thiết bị, phần mềm phù hợp và chi trả cho thuê bao đường truyền... Trong điều kiện kinh tế chưa phát triển, nhất là tại các vùng đặc biệt khó khăn hay trong bối cảnh suy thoái kinh tế thường xuyên diễn ra do thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm không khí... thì đây là rào cản đối với không ít người dạy và người học.

- Dạy học online đòi hỏi hạ tầng kỹ thuật, nhất là chất lượng của mạng internet cần đảm bảo về dung lượng và tính ổn định. Đây là vấn đề cho đến nay vẫn chưa thể thực hiện được nên đã ảnh hưởng không ít đến việc tổ chức dạy học.

- Nguồn thông tin về các khóa học, tài liệu học tập, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm... trên mạng rất đa dạng và cập nhật liên tục. Nhiều thông tin rất hữu ích nhưng cũng không ít thông tin chưa được kiểm chứng hoặc gây hại cho người sử dụng nếu không biết chọn lựa, kiểm chứng. Không ít luồng tư tưởng cực đoan, phi văn hóa, phi khoa học đang được một số nhóm xã hội tìm cách để truyền bá, thâm nhập vào cộng đồng thông qua các trang mạng. Khi trình độ của người dân còn hạn chế và vấn đề quản lý, sàng lọc nguồn thông tin “xấu” từ các nhà mạng, cơ quan quản lý chưa thể (và không thể tuyệt đối) khắc phục được thì sẽ gây khó khăn, bất cập cho người có nhu cầu lấy thông tin từ các trang mạng.

- Đến nay, nguồn học liệu, tài nguyên GD mở miễn phí chưa phong phú và hầu hết các thông tin có giá trị trên mạng có thể sử dụng vẫn cần phải trả phí. Đây cũng là thách thức đối với GD của các nước có mức độ phát triển chưa cao, trong đó có Việt Nam.

- Quản lý GD theo hình thức online là vấn đề đang gặp một số khó khăn do kỹ thuật cũng như ý thức, trách nhiệm của người dạy, người học.

Như vậy, để phát triển nhanh thì GD cần tận dụng những thành tựu và tìm cách để khắc phục hoặc giảm thiểu những tác động tiêu cực của CMCN 4.0.

2.1.2. Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đối với giáo dục người khuyết tật

GD người khuyết tật chịu tất cả những tác động của CMCN 4.0 đến GD nói chung. Tuy nhiên, do người khuyết tật có những đặc điểm phát triển cá nhân riêng nên CMCN 4.0 cũng có những đặc trưng trong tác động đối với GD người khuyết tật. Những tác động này có cả hai mặt tích cực và tiêu cực. Những tác động tích cực chính bao gồm:

- CMCN 4.0, cụ thể là ngành robot học, điều khiển học... phát triển đã giúp sản xuất được những bộ phận nhân tạo, giúp người khuyết tật có thể di chuyển, vận động hoặc điều khiển các phương tiện phục vụ học tập, sinh hoạt hàng ngày thông qua giọng nói, ánh mắt hoặc tín hiệu não bộ... Với sự trợ giúp này, người khuyết tật với những đặc điểm phát triển khác nhau có thể tham gia học tập, sinh hoạt cùng với mọi người trong cộng đồng, xã hội.

- Những người khuyết tật không thể hoặc giảm thiểu khả năng di chuyển (dù đã có phương tiện hỗ trợ) với sự hỗ trợ của các phương tiện liên lạc như máy tính, điện thoại thông minh... có thể tham gia học tập online tại

các cơ sở GD khác nhau ở trong nước hay trên thế giới, không bị cản trở bởi không gian, thời gian.

- Nhờ CMCN 4.0, các phần mềm chuyển đổi ngôn ngữ, chữ viết (ngôn ngữ kí hiệu sang ngôn ngữ nói, chữ nổi sang chữ in đen và ngược lại...) được phát triển, giúp người khuyết tật nhìn, khuyết tật nghe - nói giao tiếp, học tập dễ dàng.

- Kết nối thuận tiện trên mạng, người khuyết tật có thể xây dựng những nhóm, câu lạc bộ của người khuyết tật để cùng nhau chia sẻ thông tin, hỗ trợ, giúp đỡ nhau trong học tập cũng như giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống hàng ngày.

- Thông tin về người khuyết tật được phổ biến, liên tục cập nhật trên các trang mạng là công cụ tuyên truyền hữu hiệu, rộng rãi đến xã hội để mọi người hiểu hơn đến khả năng, nhu cầu và cách giao tiếp, học tập, sinh hoạt cùng với người khuyết tật. Nhờ đó, các hoạt động GD người khuyết tật triển khai sẽ thuận lợi, hiệu quả hơn.

- CMCN 4.0 đã tạo cơ hội cho làm việc xuyên biên giới. Người khuyết tật không thể vận động, di chuyển, ở tại nơi sinh sống vẫn có cơ hội tự học thường xuyên nâng cao trình độ và làm những công việc phù hợp để sống tự lập, cống hiến cho xã hội. Những người khuyết tật rất nặng vẫn có thể tự học, nâng cao trình độ, sống tự lập sẽ là tấm gương, động lực cho người khuyết tật nói chung chủ động, tích cực tham gia GD.

Bên cạnh những tác động tích cực nêu trên, trong CMCN 4.0, GD người khuyết tật cũng có những khó khăn nhất định, cụ thể: 1/ *Về sự chưa phù hợp của phương tiện, thiết bị và các phần mềm*: Phương tiện, thiết bị và các phần mềm tin học hầu hết được phát triển để dành cho người không khuyết tật. Những khó khăn này được Persichitte, K., Ferrell, K., & Lowell, N. (2000) nêu lên rất cụ thể khi người khiếm thị học theo hình thức học tập từ xa [6]. Do những đặc điểm phát triển cá nhân do khuyết tật gây ra (khiếm khuyết về bộ phận, chức năng của cơ thể hoặc sai lệch về hành vi) nên người khuyết tật sẽ gặp những khó khăn trong học tập và sử dụng các phương tiện, thiết bị, phần mềm tin học; 2/ *Về trình độ học vấn*: Trình độ học vấn trung bình của người khuyết tật, hiện nay, đang thấp hơn so với mặt bằng chung rất nhiều. Do phương tiện và phần mềm phát triển hàng ngày nên để sử dụng được chúng thì người khuyết tật cũng cần phải thường xuyên học tập, nâng cao trình độ. Đây là thách thức rất lớn với người khuyết tật vì riêng việc học để đảm bảo phổ cập GD đối với họ đã là khó khăn lớn. Điều này sẽ làm họ học tập với tốc độ chậm hơn và là nguy cơ của việc gia tăng về khoảng cách về khối lượng cũng như chất lượng học tập của người khuyết tật so với người không khuyết tật; 3/ *Về điều kiện kinh tế, hoàn cảnh gia đình*: Các phương tiện, thiết bị thông tin liên tục phát triển, nâng cấp; các

phần mềm tin học liên tục cập nhật với giá thành ngày càng tăng là cản trở rất lớn đối với người khuyết tật khi đa số họ xuất phát từ gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. “*Do đó, nhiều người khuyết tật có thể không đủ khả năng chi trả cho các công nghệ trợ giúp và khả năng sử dụng và bảo trì hoặc nâng cấp chúng. Trong bối cảnh các thiết bị trợ giúp đắt tiền và không dễ bảo trì...*” [5, tr.117]. Bên cạnh đó, nhiều phần mềm dùng chung trong xã hội người khuyết tật không thể sử dụng được nhưng phần mềm dành cho người khuyết tật rất ít được chú ý nghiên cứu hoặc có nhưng chất lượng không đảm bảo. Phần mềm miễn phí dành cho người khuyết tật không nhiều, phần mềm dịch vụ thì giá thành cao gây khó khăn cho việc tiếp cận của người khuyết tật. Kinh phí cũng là vấn đề lớn đối với người khuyết tật khi cần truy cập vào những nguồn thông tin có giá trị phục vụ học tập nhưng phải trả phí; 4/ *Về tương tác với xã hội*: khi gặp khó khăn hoặc vấn đề cần giải quyết trong tương tác với phương tiện, thiết bị, phần mềm tin học, người không khuyết tật dễ dàng tìm được nguồn tư vấn, hỗ trợ. Trong khi đó, người khuyết tật sẽ gặp rất nhiều khó khăn để được hỗ trợ vì mối quan hệ của họ thường không rộng rãi hoặc họ chưa được hướng dẫn cách tìm nguồn hỗ trợ hoặc những người có thể hỗ trợ họ lại không biết cách để giao tiếp, trao đổi, làm việc cùng...; 5/ *Về đầu ra của GD*: Người máy phát triển đã làm thay rất nhiều công việc của những người lao động chân tay. Đa số người khuyết tật đang làm những công việc đơn giản để sinh sống sẽ mất việc làm. Bên cạnh đó, người không khuyết tật cũng mất việc làm và chuyển sang cạnh tranh việc làm với người khuyết tật. Nhiều người khuyết tật cố gắng tham gia học tập, nâng cao trình độ để tìm việc làm nhưng không cạnh tranh nổi với người không khuyết tật. Học tập nâng cao trình độ nhưng vẫn không thể có việc làm đã ảnh hưởng tiêu cực tới động cơ học tập của người khuyết tật.

2.2. Thực trạng giáo dục người khuyết tật Việt Nam

2.2.1. Một số quy định về giáo dục người khuyết tật

Việt Nam luôn chú trọng đến GD nói chung và GD người khuyết tật nói riêng. Trong chiến lược, chính sách của Nhà nước, GD luôn được nhắc đến là “Quốc sách hàng đầu”. Công bằng tiếp cận GD đối với mọi người, trong đó có người khuyết tật đã được quy định rất rõ trong các văn bản pháp luật của Việt Nam. Hiến pháp của Việt Nam đã quy định quyền được bình đẳng tham gia GD và trách nhiệm thực hiện GD của tất cả mọi công dân, trong đó có người khuyết tật [7]. Luật Người khuyết tật và Luật GD của Việt Nam đã đưa ra các quy định cụ thể rõ hơn về quyền được GD của người khuyết tật và trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức trong thực hiện các hình thức GD người khuyết tật [8],[9]. Trong Luật Người khuyết tật, Điều 30 quy định: Các cơ sở

GD phải: “*Bảo đảm các điều kiện dạy và học phù hợp đối với người khuyết tật, không được từ chối tiếp nhận người khuyết tật nhập học trái với quy định của pháp luật. Thực hiện việc cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất dạy và học chưa bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật*”. Điều 31 quy định: “*Trung tâm hỗ trợ phát triển GD hòa nhập là cơ sở cung cấp nội dung chương trình, thiết bị, tài liệu dạy và học, các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ GD, tổ chức GD phù hợp với đặc điểm và hoàn cảnh của người khuyết tật*”.

Bên cạnh đó, Việt Nam là một trong những nước đầu tiên cam kết tham gia các công ước quốc tế về GD và GD người khuyết tật. Trong Công ước của Liên hiệp quốc về “Quyền của Người khuyết tật” có quy định: “Các nước thành viên cần đảm bảo các điều kiện để người khuyết tật bình đẳng, công bằng tham gia GD có chất lượng, thực hiện phổ cập GD tiểu học, trung học cơ sở và tiếp tục học các trình độ cao hơn... cung cấp các biện pháp trợ giúp cá biệt hóa có hiệu quả, trong môi trường thể hiện sự phát triển xã hội và khoa học kỹ thuật cao nhất, phù hợp với mục đích hoà nhập trọn vẹn” [10]. Trong 17 mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Liên hiệp quốc và Việt Nam cũng cam kết thực hiện mục tiêu 4.5 về lĩnh vực GD (SDG4) quy định: “Đến năm 2030, đảm bảo quyền tiếp cận bình đẳng đến tất cả các cấp học và đào tạo nghề cho những người dễ bị tổn thương, bao gồm người khuyết tật...” [11].

Hiện thực hóa các quy định của của Luật, Bộ GD và Đào tạo (GD&ĐT) đã ra các văn bản quy định, hướng dẫn về tổ chức thực hiện GD người khuyết tật. Hằng năm, trong hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học, Bộ GD&ĐT đều đưa ra nội dung về GD người khuyết tật. Bộ cũng đã ban hành một số thông tư cụ thể có liên quan đến GD người khuyết tật. Thông tư số 39/2009/TTBGDDT quy định: “*Mọi trẻ em được nhận một nền GD phù hợp với hoàn cảnh sống, nhu cầu và khả năng học tập trong các giai đoạn phát triển*”. Quyết định số 338/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ GD &ĐT về “*Ban hành kế hoạch GD người khuyết tật giai đoạn 2018-2020 của Ngành GD*” có nêu: “*Đến 2020: Tăng cường khả năng tiếp cận và nâng cao chất lượng GD người khuyết tật, đảm bảo người khuyết tật được tiếp cận GD chất lượng, bình đẳng và thân thiện*”.

Như vậy, Việt Nam đã có đủ các văn bản pháp lý đảm bảo công bằng tham gia GD của người khuyết tật.

2.2.2. Thành tựu và hạn chế của giáo dục người khuyết tật Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0

a. Dân số là người khuyết tật ở Việt Nam

Theo dữ liệu của Tổng cục Thống kê năm 2018 về kết quả Điều tra Quốc gia về Người khuyết tật Việt

Nam năm 2016 - 2017, Việt Nam có 6.225.519 người khuyết tật trong độ tuổi từ 02 tuổi trở lên, chiếm tỉ lệ khoảng 7,09% dân số trong độ tuổi. Tỉ lệ người khuyết tật không giống nhau giữa các độ tuổi. Theo đó, tỉ lệ trẻ em khuyết tật từ 2 đến 17 tuổi là 671.659 em, chiếm khoảng 2,83% số trẻ em trong độ tuổi. Dân số là người lớn khuyết tật từ 18 tuổi trở lên có 5.553.860 người, chiếm tỉ lệ khoảng 8,67% số dân trong độ tuổi. Tỉ lệ người khuyết tật sống ở khu vực nông thôn cao hơn gần 1,5 lần khu vực thành thị... Trong công bố cũng nêu rõ: Năm 2016 không điều tra toàn bộ dân số nên tổng số người khuyết tật trên thực tế sẽ cao hơn số liệu suy rộng từ kết quả điều tra trên đây ... [12, tr.14-15]. Điều tra về người khuyết tật năm 2016 cũng chỉ giới hạn về số lượng người có một số dạng khuyết tật nhất định, chưa tính tới những dạng khuyết tật được công nhận thêm theo thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH, ngày 02 tháng 01 năm 2019 như rối loạn phổ tự kỉ, khuyết tật về đọc, viết, tính toán... [13], nên chắc chắn số người khuyết tật trong thực tế sẽ cao hơn nhiều. Số liệu về người khuyết tật Việt Nam hiện nay cũng có sự khác biệt trong báo cáo của các ngành do chưa thống nhất được về tiêu chí đánh giá.

b. Tham gia GD của người khuyết tật Việt Nam

Dữ liệu từ Tổng cục Thống kê thực hiện năm 2016-2017 với sự hỗ trợ kỹ thuật của UNICEF cho thấy:

- Người khuyết tật học ở các loại hình GD khác nhau (có 0,5% học trong lớp chuyên biệt dành cho người khuyết tật trong trường phổ thông và gần 1% học ở trường chuyên biệt cho người khuyết tật).

- Cơ sở trường, lớp có thiết kế phù hợp với sự tham gia học tập của học sinh khuyết tật rất ít, chỉ có 2,9% và cũng chỉ có 9,9% trường có công trình vệ sinh thiết kế phù hợp với người khuyết tật.

- Cơ hội đi học của trẻ khuyết tật từ 5-14 tuổi sống trong hộ nghèo thấp hơn khoảng 21% so với trẻ không có khuyết tật.

- Tỉ lệ các trường có học sinh khuyết tật là 71,40% và tỉ lệ đi học của học sinh có khuyết tật cấp Trung học cơ sở là 74,7% so với 94,3% của trẻ không có khuyết tật.

Dữ liệu này cho thấy, GD người khuyết tật Việt Nam cũng đã phát triển tương đối nhanh, tăng khoảng 100 lần kể từ những năm 90 của Thế kỉ XX đến cuối thập niên đầu của Thế kỉ XXI [14]. Trong kết quả phân tích số liệu tổng điều tra dân số năm 2009 cho thấy, tỉ lệ đi học của trẻ em khuyết tật 6-10 tuổi chỉ đạt 66,5%, so với 96,8% của trẻ không khuyết tật. Đặc biệt, trong nhóm trẻ khuyết tật nặng 5-10 tuổi thì tỉ lệ đi học chỉ đạt 14,2%.

Một số nghiên cứu cũng cho thấy, dù trong những năm gần đây đã có hàng trăm người khuyết tật (chủ yếu là khuyết tật vận động, khuyết tật nhìn và một số người có khuyết tật nghe nói) đã học cao đẳng, đại

học và sau đại học. Tuy nhiên, số lượng người khuyết tật học tiếp sau GD phổ thông không nhiều, đa số mới học tiểu học và tổng số năm học của người khuyết tật còn rất ít. Đa số người khuyết tật mới học ở cấp Tiểu học [14].

c. GD người khuyết tật Việt Nam trong CMCN 4.0

Trong bối cảnh CMCN 4.0, các hoạt động GD được tổ chức thường có sử dụng các thiết bị tin học. Một số thiết bị tin học hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng GD người khuyết tật đã được áp dụng. Các phần mềm chuyên đổi kênh chữ phổ thông sang chữ nổi hoặc sang kênh tiếng cho người khuyết tật nhìn đã được phát triển, ứng dụng. Phần mềm về ngôn ngữ cho người khuyết tật nghe cũng được nghiên cứu, ứng dụng trong dạy học người có khuyết tật nghe nói. Các phần mềm dạy học nhằm hình thành khái niệm, điều chỉnh hành vi cho người khuyết tật về rối loạn phát triển cũng được phát triển, ứng dụng ngày càng nhiều...

Hiện nay, trên thế giới, trong GD đã có nhiều thiết bị và phần mềm chuyên dùng dành cho người khuyết tật. Tuy nhiên, đa số phần mềm cần phải trả tiền và các thiết bị đều đắt do số lượng sản xuất không nhiều nên ngoài khả năng của người khuyết tật Việt Nam.

Thực tế, dữ liệu của Tổng cục Thống kê cũng cho thấy, theo chuẩn tiếp cận nghèo đa chiều năm 2016, hộ gia đình có người khuyết tật sẽ có nguy cơ nghèo cao gấp hơn 2 lần so với hộ gia đình không có người khuyết tật (19,4% so với 8,9%) và gần 3/4 số người khuyết tật từ 15 tuổi trở lên sống trong hộ nghèo đa chiều chưa bao giờ đi học hoặc không có bằng cấp. Liên quan trực tiếp tới phương tiện truyền thông phục vụ học tập thì tỉ lệ hộ có người khuyết tật sở hữu các phương tiện truyền thông đều thấp hơn so với hộ không có người khuyết tật, cụ thể: Ti vi (87,7% so với 94,4%); thuê bao internet (16,8% so với 30,9%); máy tính (13,7% so với 28,6%) và điện thoại (84,7% so với 96,2%)... Tỉ lệ sử dụng internet không chỉ có sự khác biệt giữa các nhóm người khuyết tật mà còn có sự chênh lệch khá lớn giữa người khuyết tật và không khuyết tật. Tỉ lệ người không khuyết tật sử dụng internet cao gấp 6,5 lần người khuyết tật (42,9% so với 6,7%) [12, tr.16, 21].

Bên cạnh đó, năm 2018, Việt Nam đã thông qua Chương trình GD phổ thông mới theo định hướng phát triển năng lực. Nhiều học liệu GD đã được Bộ GD&ĐT triển khai xây dựng và phát triển có ứng dụng các thành tựu của công nghệ thông tin. Người khuyết tật với các đặc điểm phát triển khác nhau sẽ gặp không ít khó khăn trong tham gia GD. Ví dụ: Thiết bị nghe nhìn sẽ gây khó khăn cho người có khuyết tật nhìn về kênh hình và gây khó khăn cho người có khuyết tật nghe nói về kênh tiếng. Thiếu thông tin về một trong hai kênh nhìn hay nghe đều sẽ khó có thể hoàn thành được các mục tiêu GD, dạy học. Để khắc phục những bất cập nêu trên, Bộ

GD&ĐT đã cho triển khai xây dựng học liệu dành cho GD người khuyết tật trong một số dự án như Dự án Phát triển GD Trung học cơ sở pha 2 và dự án Qipecd. Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả của các học liệu này thì đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tại các cơ sở GD cần được tập huấn và người khuyết tật cũng cần có phương tiện thích hợp để có thể sử dụng.

Nhìn chung, GD người khuyết tật Việt Nam phát triển nhanh trong những năm vừa qua và đã phần nào tận dụng được các thành tựu của CMCN 4.0 để nâng cao chất lượng. Tuy nhiên, theo các chỉ tiêu đưa ra, nhất là đảm bảo công bằng về cơ hội tham gia GD của người khuyết tật thì vẫn chưa đạt được mục tiêu. Để thực hiện mục tiêu GD người khuyết tật Việt Nam, cần phải có một giải pháp mang tính tổng thể.

2.3. Giải pháp giáo dục người khuyết tật Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0

GD người khuyết tật Việt Nam có thể đạt mục tiêu nếu thực hiện một số giải pháp chính sau:

Kiến toàn hệ thống chính sách GD người khuyết tật. Trong bối cảnh CMCN 4.0 thì “Các chính sách phù hợp sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng và sử dụng hiệu quả công nghệ của người khuyết tật cần được thực hiện với tất cả sự hỗ trợ của pháp luật” [5, tr.117]. Bên cạnh các quy định về tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo công bằng về cơ hội tham gia GD của người khuyết tật trong bối cảnh CMCN 4.0, trong các văn bản pháp luật cần nêu rõ các điều kiện, nhất là nguồn lực tài chính và quy định cụ thể hơn trách nhiệm của những cá nhân/tổ chức có liên quan cũng như hình thức chế tài nếu không thực hiện đúng theo yêu cầu.

Thực hiện các chương trình quốc gia hướng tới phát triển công nghệ tin học trong GD người khuyết tật. Các chương trình hướng tới nghiên cứu, ứng dụng phương tiện, thiết bị dành cho những người có các dạng khuyết tật khác nhau sử dụng trong học tập, sinh hoạt hàng ngày; các phần mềm tin học sử dụng cho người khuyết tật tham gia GD và phục vụ các hoạt động chung giữa người khuyết tật và người không khuyết tật. Để thực hiện GD trong bối cảnh CMCN 4.0 thì môi trường học tập cần được đầu tư, cải tạo và chính quyền các cấp cần tăng cường ngân sách để trang bị các phương tiện công nghệ, đáp ứng nhu cầu học tập của người có các dạng khuyết tật khác nhau [5]. Nghĩa là, kinh phí sử dụng cho các chương trình này chủ đạo sẽ là nguồn từ kinh phí Nhà nước.

Huy động các nguồn lực, thực hiện xã hội hóa GD người khuyết tật trong bối cảnh CMCN 4.0. Nguồn lực của xã hội rất lớn và luôn sẵn sàng. Nhiều cá nhân, tổ chức trong xã hội có chuyên môn, có thời gian và có khả năng tham gia vào quá trình GD người khuyết tật. Nếu biết cách huy động, tận dụng những nguồn lực này

đúng cách, đúng thời điểm, bổ sung thêm cho nguồn lực từ Nhà nước thì vấn đề thiếu hụt về phương tiện, thiết bị cũng như phát triển các phần mềm hay trực tiếp dạy học cho người khuyết tật sẽ từng bước được khắc phục.

Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý GD, giáo viên, gia đình và cộng đồng, xã hội về khả năng, nhu cầu của người khuyết tật trong GD nói chung và trong sử dụng công nghệ thông tin nói riêng. Tuyên truyền cần được thực hiện đa dạng thông qua các kênh khác nhau, trong đó chú trọng các kênh thông tin đại chúng, các trang mạng...

3. Kết luận

Phát triển GD người khuyết tật có nhiều thuận lợi nhưng cũng có những khó khăn nhất định trong bối cảnh CMCN 4.0. Để phát triển bền vững và đạt mục tiêu được quy định trong các văn bản luật, GD người khuyết tật cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp nêu trên. Tận dụng tốt các thành tựu của CMCN 4.0, phát huy tiềm năng sẵn có của người khuyết tật và huy động tổng hợp các nguồn lực trong cộng đồng, xã hội sẽ giúp người khuyết tật có cơ hội công bằng tham gia GD có chất lượng. Kết quả của quá trình này là người khuyết tật được phát triển tối đa năng lực, có thể sống tự lập và hòa nhập cộng đồng.

Tài liệu tham khảo

- [1] Heriyanto, Satori D., Komariah A., (2019), *Character education in the era of industrial revolution 4.0 and its relevance to the high school learning transformation process*, Utopía y Praxis Latinoamericana, vol. 24, núm. Esp.5, Universidad del Zulia, Venezuela, Disponible en: <https://www.redalyc.org/articulo.oa?id=27962050036>.
- [2] B A Bagustari, H B Santoso, (2018), *Adaptive User Interface of Learning Management Systems for Education 4.0: A Research Perspective*, IOP Publishing.
- [3] Phạm Đỗ Nhật Tiến, (2018), *Kịch bản nào cho giáo dục Việt Nam trước những thách thức của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Chiến lược và kế hoạch giáo dục trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0”, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [4] Hà Công Hải, (2018), *Tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 đến giáo dục Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Chiến lược và kế hoạch giáo dục trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0”, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [5] Olufemi Timothy Adigun, Dumisani R. Nzima, (2021), *The Fourth Industrial Revolution And Persons With Disabilities: Peeping Into The Future Through The Lens Of The Present*, Multicultural Education, Volume 7, Issue 7, DOI: 10.5281/zenodo.5083228.
- [6] Persichitte, K., Ferrell, K., & Lowell, N, (2000), *Distance Learning and the Visually Impaired: A Success Story*, Contemporary Issues in Technology and Teacher Education, 1(1), p.200-208.
- [7] Quốc hội, (2013), *Hiến pháp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
- [8] Quốc hội, (2019), *Luật Giáo dục*.
- [9] Quốc hội, (2010), *Luật Người khuyết tật*, số: 51/2010/QH12.
- [10] *Convention on the Rights of Persons with Disabilities*, United Nations.
- [11] Incheon Declaration and SDG4, *Education 2030 Framework for Action*.
- [12] Tổng cục Thống kê, (2016), *Điều tra Quốc gia người khuyết tật*, NXB Thống kê.
- [13] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, (2019), *Thông tư số: 01/2019/TT-BLĐTBXH*.
- [14] Nguyễn Đức Minh, (2015), *Chính sách giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “20 năm giáo dục học sinh khuyết tật Việt Nam”, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

ISSUES AND SOLUTIONS FOR THE DEVELOPMENT OF EDUCATION FOR PEOPLE WITH DISABILITIES IN THE CONTEXT OF THE INDUSTRIAL REVOLUTION 4.0

Nguyen Duc Minh

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam
Email: minhnd@vnies.edu.vn

ABSTRACT: *The industrial revolution 4.0 has made a breakthrough in the development of all segments of society. In respect of education, the impact of the industrial revolution 4.0 is reflected in both positive and negative aspects. Due to its characteristics, education for people with disabilities also has its own aspects regarding development during the industrial revolution 4.0. This article focuses on the basic impact and proposes solutions for the development of education for people with disabilities in the context of the industrial revolution 4.0.*

KEYWORDS: *Industrial revolution 4.0, impact, education for people with disabilities, solutions for education for people with disabilities.*